

VẬN DỤNG CÁCH TIẾP CẬN NHÂN HỌC (ANTHROPOLOGY) TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Đậu Công Hiệp*

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận về cách tiếp cận nhân học, bài viết đưa ra một số gợi mở cho công tác xây dựng pháp luật ở Việt Nam, đặc biệt là trong việc đánh giá tác động cũng như mức độ khả thi của một chính sách. Trong bối cảnh Việt Nam là một quốc gia đa dạng về văn hóa, dân tộc cũng như có truyền thống lịch sử với phong tục, tập quán lâu đời; việc áp dụng các tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật là cần thiết để tăng tính khả thi, tính dễ tiếp cận của pháp luật.

Từ khóa: Nhân học, Pháp luật, Xây dựng pháp luật.

Abstract: Drawing on an analysis of theoretical issues concerning anthropological approaches, this article proposes several directions for legislative development in Vietnam, with particular emphasis on policy impact assessment and feasibility studies. In a country marked by profound cultural and ethnic diversity, as well as deeply rooted historical traditions, customs, and practices, integrating anthropological perspectives into law-making is indispensable for ensuring that legislation is both practicable and accessible.

Keywords: Anthropology, Law, Law-making.

Đặt vấn đề

Nhân học là một lĩnh vực khoa học lâu đời, có đối tượng nghiên cứu tương đối rộng và có tính giao thoa với ngành khoa học pháp lý. Điều đó thể hiện ở chỗ, con người, bao gồm góc độ cá nhân, tổ chức và xã hội là đối tượng nghiên cứu chung của hai lĩnh vực này nhưng được nhìn nhận ở những góc khác nhau. Nếu như khoa học pháp lý tập trung nghiên cứu con người trong mối tương quan với Nhà nước và pháp luật thì nhân học còn nhìn nhận các quy phạm xã hội (social norms) là một phần không thể tách rời trong các yếu tố điều chỉnh hành vi con người. Thực tế cho thấy, điều đó gây ra cách hiểu, cách áp dụng, cách phản ứng khác nhau giữa các cá nhân cũng như cộng

đồng dân cư (dựa trên tôn giáo, sắc tộc, quê quán) đối với pháp luật và có thể gây ra những khó khăn nhất định trong công tác áp dụng pháp luật. Từ đó, chúng ta phải đặt lại câu hỏi về quá trình xây dựng pháp luật đã cân nhắc tới những sự khác biệt này chưa. Trên cơ sở khái quát về các vấn đề lý luận, bài viết này lý giải nhu cầu phải vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật tới những nguyên tắc, cách thức khi vận dụng cách tiếp cận đó nhằm tăng cường hơn nữa chất lượng công tác xây dựng pháp luật ở Việt Nam giai đoạn hiện nay.

1. Một số vấn đề lý luận về vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật

Để làm rõ được những vấn đề lý luận liên quan, chúng ta cần làm rõ một số khái niệm công cụ như sau:

* TS., Trường Đại học Luật Hà Nội.

Về nhân học, đây là một lĩnh vực khoa học tương đối rộng lớn, với mục đích *“nghiên cứu bản chất con người với tất cả các mặt khác nhau của nó trong tiến trình lịch sử từ truyền thống đến hiện đại”*¹; hay cụ thể hơn đây là ngành khoa học *“nghiên cứu về loài người, liên quan đến hành vi con người, con người sinh học, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ gồm cả hiện tại và quá khứ”*². Với một cách nhìn rộng như vậy, bản thân trong ngành nhân học cũng có những tranh luận về phạm vi, đối tượng nghiên cứu cũng như bản chất của khoa học này. Tuy nhiên, có thể thấy, nhân học gắn bó mật thiết với tất cả các khía cạnh cơ bản của con người như hình thể, văn hóa, dân tộc và có hướng đi chủ yếu là đưa ra các kiến giải về sự khác biệt trong hành vi giữa các nhóm xã hội. Vì vậy, ngành nhân học phát triển đến đầu thế kỷ XX thì ra đời lĩnh vực *“nhân học ứng dụng”* với mục đích giải quyết những vấn đề thực tiễn, trong đó *“tập trung nghiên cứu chính sách xã hội và cung cấp những thông tin hiểu biết của mình về các nhóm xã hội cho các nhà hoạch định chính sách”*³. Từ đó, có thể hình dung cách tiếp cận nhân học là việc tìm tòi những sự khác biệt trong quan niệm và hành động giữa các nhóm xã hội thông qua các phương pháp thu thập thông tin và phân tích, lý giải dựa trên sắc tộc, văn hóa, tập quán...; và cách tiếp cận này có thể được vận dụng trên nhiều góc độ,

trong đó có cả việc xây dựng chính sách, pháp luật.

Đối với khái niệm *“xây dựng pháp luật”*, chúng ta có thể nhìn dưới cả góc độ chính trị, tức là đưa ý chí của Nhà nước cùng nhận thức và lợi ích của xã hội thành pháp luật; và góc độ kỹ thuật nghĩa là quá trình hình thành các quy định pháp luật⁴. Và vì vậy, một quan niệm thông thường được nhắc tới về xây dựng pháp luật, đó là *“một quá trình hoạt động vô cùng quan trọng, phức hợp, bao gồm rất nhiều các hoạt động kế tiếp nhau, liên hệ chặt chẽ với nhau, do nhiều tổ chức và cá nhân có vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn khác nhau cùng tiến hành, nhằm chuyển hóa ý chí của Nhà nước, của nhân dân Việt Nam thành những quy định pháp luật dựa trên những nguyên tắc nhất định và được thể hiện dưới những hình thức pháp lý nhất định mà chủ yếu là văn bản quy phạm pháp luật”*⁵. Nhìn một cách rộng hơn, xây dựng pháp luật có mối liên hệ mật thiết với việc áp dụng pháp luật. Cụ thể, quá trình xây dựng pháp luật không thể không cân nhắc tới những tác động của quy phạm khi nó được áp dụng trên thực tế. Vì vậy, nhiều vấn đề được nhắc tới trong quá trình xây dựng pháp luật như: Đánh giá tác động, chi phí tuân thủ, tính khả thi... nhằm tránh việc luật chỉ *“nằm trên giấy”*.

¹ Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Chí Ngân, *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Huế, 2016, tr. 11.

² American Anthropological Association, *What is Anthropology?*, <https://americananthro.org/learn-teach/what-is-anthropology/>, truy cập ngày 4/8/2024.

³ Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Xuân Hồng, Nguyễn Chí Ngân, *sđd*, tr.10.

⁴ Nguyễn Văn Cương, *Bản chất của hoạt động xây dựng pháp luật: Một vài vấn đề cần bàn luận thêm*, 10/01/2013, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghi-en-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1566>, truy cập ngày 7/8/2024.

⁵ Nguyễn Minh Đoan, *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 13.

Từ đây, ta thấy được sự liên quan giữa cách tiếp cận nhân học với việc xây dựng pháp luật. Bản chất của pháp luật cũng chỉ là các quy tắc xử sự, bên cạnh nhiều yếu tố khác tác động và điều chỉnh hành vi của con người như trình độ học vấn, nền tảng văn hóa, niềm tin tôn giáo, bản sắc dân tộc... Và chúng có thể tác động tới mức độ tuân thủ pháp luật của người dân theo những chiều hướng khác nhau. Nhân học, với tư cách một phương thức tiếp cận, sẽ giải quyết nguyên nhân của sự khác biệt trong nhận thức và hành vi của người dân với nội dung quy phạm pháp luật và là cơ sở để các chủ thể tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật có thể cân nhắc trong việc đưa ra các quy phạm phù hợp nhất.

Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, có thể thấy, việc ứng dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật đã có một nền tảng phát triển tương đối vững chắc và dần hình thành ngành nhân học pháp luật (legal anthropology). Trong đó, nhân học pháp luật có thể coi là một bộ phận của triết học pháp luật⁶, nhưng cũng là một khoa học có tính chất độc lập mặc dù còn tương đối non trẻ⁷. Lý thuyết làm nền tảng của cách tiếp cận nhân học trong pháp luật là thuyết “đa nguyên pháp lý” (legal pluralism), nghĩa là

sự tồn tại của nhiều hệ thống quy tắc trong cùng một xã hội khiến cho pháp luật với tư cách hệ thống quy tắc xử sự có tính quyền lực đôi khi bị kìm hãm bởi những hệ thống quy tắc khác.

Một ví dụ thường được đặt ra để làm rõ lý thuyết này là hiện tượng xảy ra ở các nước thuộc địa, bên cạnh việc bị điều chỉnh bởi luật do nước đô hộ thì thực tế người dân đã quen với những điều luật truyền thống⁸. Điều này rất quen thuộc ở Việt Nam, đặc biệt trong thời kỳ chúng ta bị các triều đại Trung Quốc đô hộ. Cụ thể, bên cạnh luật pháp mà người Hán cai trị đã ban bố trên đất Việt thì thực tế người Việt cổ vẫn tuân theo những lễ luật cũ, điều đó khiến cho Mã Viện đã phải thừa nhận luật Việt khác luật Hán 10 điểm⁹. Hơn thế, việc thường xuyên trải qua các cuộc đấu tranh giành độc lập cũng phần nào hình thành “phản xạ tâm lý” mang tính phản kháng của người Việt¹⁰, đồng thời sự hình thành tư tưởng “phép vua thua lệ làng” vẫn còn tồn tại và ảnh hưởng tới ngày nay cũng là một hình ảnh rõ ràng của hiện tượng “đa nguyên pháp lý”.

Mở rộng ra, hiện tượng đa nguyên pháp lý không chỉ tồn tại ở những quốc gia thuộc địa mà được cho là ở mọi xã hội. Các học giả nhân học pháp luật cho rằng bên cạnh

⁶ Võ Khánh Vinh, *Triết học pháp luật – định hướng nghiên cứu và đào tạo mới ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 6/2022, tr. 13.

⁷ Mặc dù được cho là có nền tảng từ thế kỷ XVIII, XIX nhưng Nhân học pháp luật chỉ thực sự định hình và phát triển vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Xem thêm: Merry, S. E., & Canfield, M. C., Law: *Anthropological aspects*, In J. D. Wright (Ed.), *International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences* [second edition], Volume 13, 2015, pp. 535-541.

⁸ Griffiths, Anne, *Legal Pluralism in Africa: The Role of Gender and Women's Access to Law*, PoLAR. 19 (2), 1996, pp. 93-108.

⁹ Vũ Văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử điển giáng*, Sài Gòn, 1975, tr.155.

¹⁰ Nguyễn Văn Sơn, *Phức cảm “Cua” trong nhân cách văn hóa xã hội*, Hội nghị bàn tròn “Tâm lý học tộc người và tâm lý các tộc người ở Việt Nam” tại Hội thảo Tâm lý học Khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất “Hạnh phúc con người và phát triển bền vững”, trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội, 29/11/2017.

pháp luật do Nhà nước ban hành thì sự tồn tại của các quy tắc xử sự mang tính phi chính thức là điều tất yếu ở mọi xã hội¹¹. Và trọng tâm nghiên cứu của nhân học pháp luật đó là mối quan hệ giữa các quy tắc khi chúng cùng điều chỉnh về một vấn đề. Mối quan hệ này có thể chia thành các nhóm¹²: (1) Xung đột; (2) Cạnh tranh; (3) Hợp tác; và (4) Bổ trợ.

Thực tế ở Việt Nam, mặc dù lý thuyết nhân học pháp luật ít khi được nhắc tên hoặc được phổ biến, nhưng cách tiếp cận này vẫn là một hướng nghiên cứu khá rõ nét. Ví dụ trong khoa học về lý luận nhà nước và pháp luật có một nội dung về pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội, trong đó giữa pháp luật và các công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội khác (còn gọi là những thể chế phi quan phương) có sự độc lập nhau nhất định¹³. Tuy nhiên, sự khác biệt trong cách tiếp cận nhân học pháp luật là ở chỗ các quy tắc phi pháp luật không được nhìn nhận như một “công cụ” và cũng không đặt ra việc phải cùng nhau “điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách có hiệu quả”. Vấn đề chủ yếu của hướng tiếp cận này là dùng các tri thức về nhân chủng, văn hóa, lịch sử để giải thích những hành vi của con người với những khuynh hướng khác biệt so với các quy phạm pháp luật. Đối với việc xây dựng pháp luật, cách tiếp cận này có giá trị ở chỗ nó giúp dự báo

trước về tính khả thi khi một quy phạm được thực hiện trong đời sống và từ đó người xây dựng pháp luật có thể cân nhắc những phương án phù hợp để đạt được mục đích của mình.

2. Nhu cầu vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Là một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển mạnh, xây dựng pháp luật là một hoạt động hết sức được quan tâm ở Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh Việt Nam đang ra sức phấn đấu để sớm hoàn thành mục tiêu xây dựng một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng với tầm nhìn thể hiện khát vọng phát triển rất cao vào năm 2030 (100 năm thành lập Đảng) và năm 2045 (100 năm quốc khánh), nhu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đang được đặt ra ngày càng cấp thiết¹⁴. Về định hướng xây dựng pháp luật trong thời gian tới, Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đưa ra: “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả”. Điều đó cho thấy việc bổ sung các cách tiếp cận nhằm thúc đẩy hơn nữa chất lượng xây dựng pháp luật là một điều hoàn toàn có thể cân nhắc. Cụ thể hơn, nhu cầu vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp

¹¹ Sally Engle Merry, *Legal Pluralism*, Law & Society Review, Vol. 22, No. 5, 1988, pp. 869-896.

¹² Geoffrey Swenson, *Legal Pluralism in Theory and Practice*, International Studies Review 20, 2018, p. 438.

¹³ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2020, tr. 230.

¹⁴ Nguyễn Văn Cương, *Hệ thống pháp luật Việt Nam qua gần 75 năm xây dựng và hoàn thiện - Những dấu ấn nổi bật*, <https://khpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=102>, công bố tháng 2/2020, truy cập ngày 8/8/2024.

luật ở Việt Nam hiện nay có thể nhìn nhận dưới những góc độ sau:

- Về sự đa dạng của dân tộc

Việt Nam là nơi cư trú của 54 dân tộc anh em, trong đó có nhiều vùng dân tộc với đặc trưng riêng về văn hóa, lối sống. Điều này tạo nên sự khác biệt trong cách hiểu, cách hành xử trước một quy tắc pháp lý nhất định. Đặc biệt, sự khác biệt này có thể nảy sinh trong những lĩnh vực khác biệt chứa đựng nhiều quan niệm tương đối mới so với truyền thống. Cụ thể, lĩnh vực đất đai chính là một ví dụ điển hình. Hiện nay, pháp luật đất đai ở Việt Nam được xây dựng trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai, trong đó Nhà nước đóng vai trò đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Đây là cơ sở để chúng ta xây dựng hệ thống pháp luật về đất đai bao gồm nhiều quy định cụ thể, chi tiết trên những lĩnh vực như giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, giải quyết tranh chấp đất đai... Tuy nhiên, nếu so sánh với quan niệm truyền thống của các dân tộc thì những quy định nói trên có những chênh lệch nhất định. Cụ thể, từ nhận thức đến truyền thống và luật tục của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có nhiều điểm khác biệt với chính sách đất đai, với nhiều biểu hiện khác nhau. Đối với các dân tộc thiểu số ở vùng Đông Bắc, quan niệm tư hữu đất đai đã tồn tại từ lâu đời và trong quá trình áp dụng các chính sách đất đai từ tập thể hóa, nhường đất để định cư đến khoán... đã nảy sinh nhiều tranh chấp mang tính phong trào với tên gọi “đòi đất ông cha” ở nhiều địa phương, điển hình như Hà Giang (mâu thuẫn giữa người Kinh và người dân tộc tại chỗ), Lạng Sơn, Cao Bằng (giữa các dân tộc

thiểu số tại chỗ với nhau)¹⁵. Còn ở vùng Tây Nguyên, quan niệm về sở hữu đất đai của họ thể hiện ở chỗ: Đất đai là thiêng liêng, là kết quả sự gắn kết giữa các thế hệ; cá nhân, gia đình có quyền chiếm hữu và sử dụng đất đai nhưng việc chuyển nhượng, đặc biệt là cho bên ngoài, không được khuyến khích¹⁶. Bên cạnh đó, tập tục truyền thống của người Tây Nguyên là luân canh, chuyển khoảnh, tức là canh tác ở một khu vực sau đó chuyển đến khu vực khác để canh tác những năm tiếp theo. Thông thường, khu đất bị để hoang khoảng 5 - 7 năm và sau đó người dân quay lại canh tác tiếp và cứ như vậy quay vòng trong tất cả các khu đất họ đã khai hoang¹⁷. Tuy đất luân canh được thống kê vào mục đất chưa sử dụng, đất chưa giao, cho thuê (chưa có chủ), nhưng trong thực tế lại không phải như vậy. Đất làm nương rẫy luân canh, du canh của đồng bào miền núi đều nằm ở loại đất này. Đất nương rẫy (đất đang canh tác và bỏ hoá) đều đã có chủ, đó là: Hộ gia đình, họ tộc, cộng đồng làng bản. Quyền làm chủ này được xác lập theo luật tục, được các thành viên trong làng bản, cộng đồng lân cận thừa nhận, tôn trọng. Chính vì tình trạng này mà ở không ít địa phương, theo số liệu thống kê đất chưa sử dụng còn rất nhiều, nhưng khi lập quy hoạch đất trồng rừng,

¹⁵ Trần Văn Hà, *Mâu thuẫn đất đai và quan hệ dân tộc ở vùng Đông Bắc từ Đổi mới (1986) đến nay*, Khoa học xã hội Việt Nam, số 5, 2021, tr. 85.

¹⁶ Tô Văn Hòa, *Những giá trị của luật tục về đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai vùng Tây Nguyên*, Tạp chí Luật học, số 3/2020, tr. 34.

¹⁷ Tô Văn Hòa, *Đầu Công Hiệp, Các yếu tố tác động đến giải quyết tranh chấp đất đai bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Tạp chí Luật học, số 8/2019, tr. 41.

cây công nghiệp, giao đất cho liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài ở thực địa lại không có, hoặc không đủ diện tích, vấp phải tranh chấp với dân địa phương¹⁸.

- Về truyền thống lịch sử, văn hóa

Bên cạnh yếu tố dân tộc, truyền thống lịch sử lâu đời của người Việt cũng đã tạo ra rất nhiều phong tục, tập quán, nếp nghĩ, cách hành xử mang tính cố kết trong tư duy. Nhìn từ góc độ nhân học, sự ảnh hưởng của truyền thống lịch sử, văn hóa lên xu hướng hành vi của con người là rất rõ rệt và điều này đặt ra vấn đề khi pháp luật điều chỉnh trong cùng một lĩnh vực nhưng lại đặt ra những quy tắc khác biệt. Điều đó gây ra những xu hướng khác nhau và cũng tạo nên những phản ứng khác nhau trong xã hội. Một trong những ví dụ điển hình là việc ban hành Chỉ thị số 406-TTg ngày 8/8/1994 về việc cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo. Quy định này đã tác động mạnh mẽ tới một nét văn hóa phổ biến của người Việt trong dịp Tết Nguyên đán, đó là đốt pháo vào đêm giao thừa với nhiều ý nghĩa như chào mừng năm mới, cầu mong bình an, may mắn, sung túc... Sau gần 30 năm thực thi, trước những tranh luận vẫn còn tồn tại về nhu cầu sử dụng pháo và trước thực tế nhiều địa phương vẫn còn tình trạng đốt pháo “lậu”, đến năm 2020, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP về quản lý, sử dụng pháo ra đời đã cho phép người dân sử dụng một số loại pháo hoa nhất định. Điều này có thể coi là một sự đáp ứng nhu cầu văn hóa của xã hội, giúp

người dân thực hiện được những nét truyền thống nhưng không ảnh hưởng tới an ninh, an toàn. Tuy nhiên, gần đây trong quá trình thảo luận Dự thảo Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi), việc cấm tuyệt đối pháo hoa lại tiếp tục được đưa ra và có nhiều ý kiến khác nhau¹⁹. Từ góc độ nhân học pháp luật, có thể thấy, đây chính là một minh chứng cho sự khác biệt giữa truyền thống văn hóa với ý chí của nhà quản lý trong hoạt động xây dựng pháp luật. Một vấn đề khác cũng gây tranh luận trong quá trình xây dựng pháp luật ở Việt Nam đó là quyền kết hôn của người cùng giới tính. Về mặt pháp lý, nước ta đã có sự chuyển đổi trong cách tiếp cận, từ việc cấm tới không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính. Về mặt nhân học văn hóa, những nghiên cứu chỉ ra có những cách tiếp cận khác nhau giữa vùng đô thị và nông thôn về vấn đề này²⁰, và thực tế thì cùng với thời gian, cách nhìn của xã hội cũng đã dần có những sự cởi mở nhất định. Điều này cho chúng ta thấy một cách rõ ràng rằng sự biến đổi về văn hóa có thể tác động nhất định tới quá trình xây dựng pháp luật. Điều đó cũng phần nào chỉ ra nhu cầu của việc tiếp cận nhân học trong quá trình xây dựng pháp luật, đặc biệt là trong việc làm rõ và đo lường những ảnh hưởng (nếu có) của các quy định pháp luật trong bối cảnh văn hóa hiện nay.

¹⁸ Vũ Long, *Đất làm nương rẫy luân canh của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi*, 24/3/2009, <https://vafs.gov.vn/vn/dat-lam-nuong-ray-luan-can-h-cua-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-mien-nui/>, truy cập ngày 9/8/2024.

¹⁹ Xem thêm: Khánh Lan, *Quan điểm của người dân về quản lý, sử dụng pháo hoa*, 9/6/2024, <https://dangcongsan.vn/ban-doc/y-kien-ban-doc/quan-diem-cua-nguoi-dan-ve-quan-ly-su-dung-phao-hoa-666785.html>, truy cập ngày 11/8/2024.

²⁰ Nguyễn Thị Bích Hằng, *Đồng tính luyến ái trong giới trẻ hiện nay*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5 (78)/2014, tr. 72-79.

3. Phương hướng vận dụng cách tiếp cận nhân học trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Như đã trình bày, mục đích của cách tiếp cận nhân học đó là làm rõ về bản chất những xu hướng ứng xử của con người. Vì vậy, để làm rõ được điều đó, ngành nhân học sử dụng một số phương pháp như:

- Điều tra xã hội học diện rộng, trong đó chú trọng vào các yếu tố định danh con người như tuổi tác, nghề nghiệp, giới tính, dân tộc, tôn giáo. Khác với phương pháp điều tra xã hội học thông thường chủ yếu tập trung vào kết quả là ý kiến của đối tượng, trong nhân học, điều cần phải làm rõ là mối liên hệ giữa kết quả khảo sát với các yếu tố định danh nói trên, từ đó rút ra những kết luận mang tính khái quát về việc những yếu tố đó tác động như thế nào đến kết quả khảo sát, từ đó chỉ ra bản chất, nguyên nhân của hiện tượng mà kết quả khảo sát phản ánh.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng bao gồm các hoạt động gặp gỡ, hỏi ý kiến trực tiếp những đối tượng khác nhau về vấn đề liên quan. Phương pháp này không chú trọng tới việc quan sát/đánh giá một cách rộng rãi mà tập trung vào những nhóm đối tượng cụ thể. Về mặt chính sách, pháp luật, phương pháp này thường được sử dụng trong việc đánh giá tác động.

- Phương pháp điền dã đòi hỏi người thực hiện phải thực sự sống, hòa mình và thấu hiểu cộng đồng. Khác với phương pháp tham vấn cộng đồng chủ yếu là hỏi ý kiến thì phương pháp điền dã lại nhấn mạnh việc người nghiên cứu trực tiếp tham gia, trải nghiệm để đạt tới sự thấu hiểu những đặc

tính văn hóa, phong tục, nếp nghĩ của người dân địa phương.

Nói chung, việc vận dụng các phương pháp nhân học không quá xa lạ trong quá trình xây dựng pháp luật ở Việt Nam, bao gồm cả việc điều tra xã hội học, tham vấn cộng đồng hay điền dã. Tuy nhiên, vấn đề cần bản là chúng ta cần nhìn nó với một mức độ sâu sắc hơn về góc nhìn dân tộc, văn hóa. Dĩ nhiên, không phải tất cả khía cạnh trong xây dựng pháp luật hay quy định pháp luật nào cũng cần phải đánh giá kỹ càng từ khía cạnh nhân học, nhưng đối với nước ta, rất nhiều vấn đề đã và sẽ phải được cân nhắc sâu sắc hơn. Điều này là do các cộng đồng liên tục thay đổi, luôn có ý tưởng mới phát sinh, và luôn có nhu cầu được đáp ứng một cách hợp lý trước những biến đổi đó²¹.

Dưới góc độ xây dựng pháp luật, cần phải thấy, đây là một khái niệm rộng, bao hàm nhiều khía cạnh phức tạp với nhiều loại văn bản, do nhiều cơ quan ban hành với quy trình, thủ tục khác nhau. Vì vậy, việc vận dụng cách tiếp cận nhân học pháp luật đối với từng loại văn bản sẽ có những phương thức khác nhau. Ở đây, vấn đề áp dụng cách tiếp cận nhân học vào xây dựng pháp luật sẽ được bàn luận ở phạm vi rộng, mang tính định hướng là chủ yếu. Cụ thể, cần lưu ý tới những điểm sau đây:

- Cần có sàng lọc và đánh giá trước về việc nội dung văn bản có thể tác động tới khía cạnh văn hóa, lịch sử, dân tộc như thế

²¹ Paul Sillitoe, *Anthropologists only need apply: Challenges of applied anthropology*, Journal of the Royal Anthropological Institute, 13(1), 2007, pp. 147-165.

nào. Khía cạnh văn hóa ở đây cần được hiểu theo nghĩa rộng, tức là không chỉ bao gồm những giá trị truyền thống. Ví dụ, trong giai đoạn gần đây, một vấn đề nóng của xã hội thường được bàn luận trong các diễn đàn pháp luật là việc cấm tuyệt đối nồng độ cồn trong hơi thở khi tham gia giao thông. Vấn đề này được bàn thảo trên nhiều góc độ, trong đó có mặt văn hóa, khi cả hiện tượng “văn hóa rượu bia” cũng được đề cập tới²². Khái niệm nói trên chưa hẳn đã mang tính tích cực nhưng rõ ràng rằng việc nhắc tới khía cạnh này trong thảo luận chính sách cũng phần nào cho thấy những phản ứng từ xã hội là đáng phải cân nhắc và lường trước. Tương tự như vậy, khía cạnh dân tộc, vùng miền cũng cần được quan tâm, đặc biệt là về các phong tục, tập quán lâu đời.

- Sau khi thấy được ảnh hưởng về mặt văn hóa, dân tộc của một dự thảo văn bản cần có những bước đánh giá tác động trên khía cạnh này. Việc đánh giá tác động văn hóa cần được thực hiện nhằm thấy được: (1) Nội dung quy định có mâu thuẫn, khác biệt gì với văn hóa, phong tục, tập quán ở các vùng miền; (2) Nội dung quy định có gì phù hợp và thuận lợi áp dụng trên cơ sở văn hóa, phong tục, tập quán các vùng miền; và (3) Việc thực thi quy định này có thể gặp những phản ứng gì về mặt văn hóa, phong tục, tập quán. Đặc biệt, đối với những văn bản pháp luật có phạm vi hiệu lực rộng, cần phải lường trước được những khu vực, địa phương, vùng miền có đặc

điểm văn hóa, phong tục riêng để tránh hình thành các điểm nóng trong tương lai, đặc biệt với những vấn đề như đất đai, kinh tế, môi trường.

- Cuối cùng, cần điều chỉnh nội dung dự thảo văn bản một cách phù hợp nhất trước những đánh giá tác động về văn hóa, dân tộc; bên cạnh đó cũng cần phác thảo được những biện pháp, giải pháp trong quá trình áp dụng pháp luật để đảm bảo tính khả thi của văn bản. Trong đó, bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật thì cũng phải có cơ chế tạo điều kiện một cách thích hợp nhất để hỗ trợ người dân ở những vùng, miền, địa phương có tính đặc thù thực hiện được đúng quy định của pháp luật.

Việc đánh giá tác động cũng như đưa ra các cách thức giúp quy định của pháp luật có thể áp dụng một cách thuận lợi nhất cần thực hiện dựa trên các phương pháp nhân học, trong đó cần chú trọng tới việc điền dã cũng như tham vấn cộng đồng để thực sự hiểu được những tâm tư của người dân, những đặc thù trong nếp nghĩ, nếp sống của họ và mối tương quan với các quy định của pháp luật.

Kết luận

Cách tiếp cận nhân học là một phương pháp tuy không hoàn toàn mới lạ nhưng cũng cần được quan tâm để được triển khai một cách bài bản trong quy trình xây dựng pháp luật. Trước những biến đổi của thời đại về cả khía cạnh pháp lý, văn hóa, xã hội, dân tộc, tôn giáo; việc áp dụng cách tiếp cận nhân học cùng với những phương pháp đặc thù của nó là cần thiết để có được các văn bản pháp luật phù hợp, khả thi và dễ áp dụng.

²² Nguyễn Thanh Tú, *Truyền thống văn hóa rượu của người Việt*, 14/9/2020, <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/truyen-thong-van-hoa-ruou-cua-nguoi-viet-635173>, truy cập ngày 12/8/2024.